TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂNBÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 04-01-2019
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tô Trần Ái Vy

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Liên Hương

Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 04 tháng 01 năm 2019 tại Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 906/2018/ TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 9 năm 2018 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 258/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đoàn Thị Hồng T, sinh năm: 1983

Hộ khẩu thường trú: XÃ A, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

Địa chỉ liên lạc: Phường E, thành phố F, Đồng Nai.

(Có mặt)

- *Bị đơn:* Ông Trịnh K , sinh năm: 1971

Địa chỉ: Đường M, Phường N, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh;

(Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn bà Đoàn Thị Hồng T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Trịnh K tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 182, quyển số 1/2011 ngày 31/10/2011. Vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, giữa hai bên thường xảy ra tranh cãi, ông K có hành vi đánh đập bà rất nặng nề làm cho tình cảm vợ chồng không còn, đã ly thân từ tháng 12/2017. Nay nhận thấy mâu thuẫn không thể giải quyết, cuộc sống chung không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn đối với ông K.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trịnh Liên K1, sinh ngày 14/12/2014. Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T khai không có.

Bị đơn ông Trịnh K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông thống nhất lời trình bày của bà T về thời gian kết hôn. Ông nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn không thể giải quyết nên đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông xác định có 01 con chung tên Trịnh Liên K1, sinh ngày 14/12/2014. Ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông K khai không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với ông K. Về con chung: Bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, bé đang do bà T trực tiếp chăm sóc, từ lúc ly thân đến nay bé sống chung với bà, ông K không hề đến thăm nom và cũng không cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà T đang có thu nhập ổn định đủ để nuôi con mà không

cần ông K cấp dưỡng. Bé đang đi học và đang có cuộc sống ổn định nên bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Bị đơn trình bày: Ông K đồng ý ly hôn với bà T. Về con chung: Ông yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu nguyên đơn phải cấp dưỡng nuôi con. Ông K trình bày vợ ông chăm sóc bé không tốt, môi trường gia đình bên vợ không tốt sẽ làm ảnh hưởng đến sự phát triển của bé sau này. Hiện nay ông cũng có thu nhập ổn định nên ông yêu cầu được nuôi con. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ giấy chứng nhận kết hôn số 182, quyển số 1/2011 do Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 31/10/2011 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Đoàn Thị Hồng T và ông Trịnh K là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được Luật Hôn nhân và Gia đình điều chỉnh.

Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Do bị đơn hiện đang cư trú tại Phường 6, quận Tân Bình nên căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự tranh chấp trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân quận Tân Bình.

[2] Về yêu cầu của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đoàn Thị Hồng T và ông Trịnh K thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Về con chung: Bà T và ông K xác định có 01 con chung tên Trịnh Liên K1, sinh ngày 14/12/2014. Ly hôn, bà T và ông K đều yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu bên còn lại phải cấp dưỡng nuôi con. Xét hiện nay trẻ Trịnh Liên K1 do bà T trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc, bà T có việc làm và thu nhập ổn định. Ông K cho rằng để con cho bà T chăm sóc sẽ không tốt nhưng không cung cấp được chứng cứ thể hiện trẻ hiện nay phát triển không tốt như lời ông trình bày. Mặt khác, bà T có cung cấp chứng cứ là giấy xác nhận hiện nay trẻ đang đi học, sức khỏe tốt, phát triển bình thường. Để ổn định cuộc sống và

tinh thần cho trẻ, tạo điều kiện cho trẻ không bị xáo trộn trong việc học hành và ổn định về mặt tâm sinh lý cho trẻ, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông K do bà T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Cả hai xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Hồng T chịu án phí về việc ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

- Áp dụng Điều 51, 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

- Áp dụng Điều 26 Luật Thi hành án Dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đoàn Thị Hồng T.

- Về hôn nhân: Bà Đoàn Thị Hồng T và ông Trịnh K thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Liên K1, sinh ngày 14/12/2014 cho bà Đoàn Thị Hồng T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông K do bà T không yêu cầu.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi. Việc thay đổi do các bên tự thỏa thuận; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục

con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

2. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Đoàn Thị Hồng T chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được cấn trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) do bà T đã nộp theo biên lai thu số 0037043 ngày 17/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền kháng cáo: Bà Đoàn Thị Hồng T và ông Trịnh K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân TP. HCM**;**
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân Phường 6, quận Tân Bình, TP.HCM;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Tô Trần Ái Vy